

Số: *1248* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *12* tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Kết luận số 395-KL/TU ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Thường trực Tỉnh ủy Yên Bái;

Căn cứ Công văn số 57/TT.HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1112/TTr-STC ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị) khi sử dụng vốn nhà nước để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ, gồm:

a) Nguyên nhiên liệu, xăng dầu, hóa chất, dược liệu, sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư, vật liệu tiêu hao, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên;

b) May sắm trang phục ngành, trang phục phục vụ hoạt động đặc thù của ngành, lĩnh vực theo quy định (như: quần áo bác sỹ, y tá, quần áo bệnh nhân, phạm nhân và các loại trang phục đặc thù của ngành nghề khác), bảo hộ lao động (gồm cả mua sắm vật liệu, mẫu thiết kế và công may);

c) Sản phẩm công nghệ thông tin gồm: Máy móc, thiết bị, phụ kiện, phần mềm và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin khác, bao gồm cả lắp đặt, chạy thử, bảo hành (nếu có) thuộc dự án công nghệ thông tin sử dụng vốn sự nghiệp theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Sản phẩm in, tài liệu, biểu mẫu, ấn phẩm, ấn chỉ, tem; văn hóa phẩm, sách, tài liệu, phim ảnh và các sản phẩm, dịch vụ để tuyên truyền, quảng bá và phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ;

đ) Dịch vụ phi tư vấn bao gồm: Thuê các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; sửa chữa thường xuyên nhỏ, lẻ nhà cửa, công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản; dịch vụ thuê trụ sở làm việc, nhà trạm, ô tô phục vụ công tác, vệ sinh công nghiệp; dịch vụ xử lý chất thải; dịch vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ thẩm định giá (nếu có); dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định; dịch vụ đào tạo, tập huấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các dịch vụ phi tư vấn khác;

e) Dịch vụ tư vấn bao gồm: Tư vấn lựa chọn công nghệ, tư vấn đề lập, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và các dịch vụ tư vấn khác trong mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

g) Các loại hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn khác được mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, gồm:

a) Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm (bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung trong năm) của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu khác trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư;

c) Vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn khác do nhà nước quản lý (nếu có);

d) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Vay nợ, viện trợ không hoàn lại được cân đối trong chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thuộc ngân sách nhà nước (trừ trường hợp Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác);

đ) Nguồn thu từ phí, lệ phí được sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

e) Nguồn kinh phí từ thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế;

h) Nguồn vốn vay, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân theo quy định;

i) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này).

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao dự toán ngân sách (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh) quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ do đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này);

b) Hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ.

5. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên một lần mua hàng hóa, dịch vụ;

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo chế độ quy định.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm hàng hóa, dịch vụ, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ đảm bảo theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định.

3. Đối với hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành đã quy định cụ thể về việc phân cấp mua sắm, thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5 QĐ;
- Chánh, Phó CVP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, TC.

CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy